

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT

Ngày 15-10-2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Bùi Thị Thúy Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2013/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo và do bản án dân sự phúc thẩm số 14/2013/HNGĐ-PT ngày 16/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1949; Nơi cư trú: Thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch – Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Th - Phó Giám đốc phòng giao dịch (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B , xã Th H1, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

Có sự tham gia phiên tòa của:

Anh Nguyễn Vĩnh L, sinh năm 1986 (là con trai ông V, bà S)

Trú tại: Nhà công vụ, bệnh viện B Ch , phường Gi Đy, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị S – nguyên đơn và ông Nguyễn Quang V – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung: bà S và ông V thống nhất trình bày: Ông, bà kết hôn ngày 20/7/1984 tại Ủy ban nhân dân xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010. Vợ chồng bà có 04 con chung là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; Nguyễn Vĩnh L , sinh năm 1986; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989; Nguyễn Vĩnh Ph, sinh năm 1992. Năm 2011, bà S làm đơn xin ly hôn với ông V, đã được Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình giải quyết cho bà S và ông V thuận tình ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không giải quyết. Phần quyết định về quan hệ hôn nhân và con chung đã có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung:

+ Bà S xác định tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Diện tích 366,9 m² đất ở tại thửa số 234, tờ bản đồ 07 tại thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Trên đất có một ngôi nhà 02 tầng cùng công trình phụ.

- Diện tích 97m² đất ở tại thửa 355, tờ bản đồ 02 tại thôn Tr, xã Th H1, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện Th Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 337998 ngày 29/7/2009;

- Số tiền lãi ngỗ cho con thương binh học đại học từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2012 là 68.916.000 đồng do ông V đang quản lý.

Bà S yêu cầu Tòa án chia đôi các phần tài sản trên.

- Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ThTh, tỉnh Thái Bình số tiền 75.000.000 đồng nợ gốc, nợ lãi là 13.218.636 đồng. Tổng là 88.218.636 đồng. Hai bên có trách nhiệm cùng trả nợ.

+ Ông V xác định tài sản của vợ chồng gồm:

- Diện tích 366,9m² đất và nhà ở tại thửa 234, tờ bản đồ 07 tại thôn V H T, xã Th H của Nhà nước cấp riêng cho ông năm 1984 là đối tượng chính sách, nguồn gốc tiền làm nhà là từ tiền trợ cấp thương tật của ông, bà S không có đóng góp gì. Nếu ly hôn ông nhận sử dụng và sở hữu toàn bộ khối tài sản này và thanh toán cho

bà S 30% giá trị.

- Diện tích 97m² đất ở thuộc thửa 355, tờ bản đồ 02 tại thôn Trung, xã ThH1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên 02 vợ chồng. Ông đề nghị chia theo công sức đóng góp, ông được 70%, bà S hưởng 30%. Bên nào nhận tài sản thì phải thanh toán giá trị chênh lệch.

- Số tiền lãi ngỏ cho con thương binh học đại học từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2012 là 68.916.000 đồng không phải là tài sản chung mà là của các con được hưởng, ông đã lĩnh hộ các con, trong quá trình học tập và xin việc cho các con đã chi tiêu hết. Ông không chấp nhận yêu cầu này của bà S.

- Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th, tỉnh Thái Bình như bà S đã trình bày; Nợ chị Nguyễn Thị Nh 20.000.000 đồng và 07 chỉ vàng vay cho các con ăn học và xin việc cho con. Ông yêu cầu bà S có trách nhiệm trả một nửa.

Ngoài ra, số tiền chi phí cho các con ăn học hết 97.000.000 đồng, ông yêu cầu bà S có trách nhiệm trả một nửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Việc vay tiền và vàng của ông V không liên quan đến bà S. Chị không yêu cầu bà S giải quyết trong vụ án này, khi cần thiết chị sẽ khởi kiện ông V bằng một vụ án khác;

- Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th, tỉnh Thái Bình trình bày: Tính đến ngày 28/02/2013 tổng số nợ của vợ chồng ông V, bà S là 88.218.636 đồng. Trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng, còn lại là nợ lãi.

Tại bản án số 07/2013/HNGĐ-ST ngày 25/02/2013 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã quyết định về quan hệ tài sản như sau:

Giao cho bà S sử dụng 97m² đất tại thửa 355, tờ bản đồ 02 tại thôn Trung, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình (đã được Ủy ban nhân dân huyện Th Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH337998 ngày 29/7/2009), trị giá 140.000.000 đồng.

Giao cho ông V được sử dụng 366,9m² đất ở và đất lâu năm khác tại thửa số 234, tờ bản đồ 07 tại thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Phía Đông (mặt đường) dài 11,17m giáp đường 65; phía Tây giáp ao của UBND xã Th H dài 11,17m; phía Nam giáp hộ ông Lê Đức Ngoạn dài 32,50m; phía Bắc giáp hộ ông Giang Văn Tính dài 33,63m và sở hữu một ngôi nhà 02 tầng cùng công trình phụ làm trên đất. Tổng giá trị 846.962.800 đồng.

Về nợ chung: Ông V có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th số tiền 88.218.636 đồng (gồm 75.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 28/02/2013 là 13.218.636 đồng) và phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho bà S là 185.612.449 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông V và bà S đều kháng cáo về phần chia tài sản chung và nợ chung của bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm số 14/2013/HNGĐ-PT ngày 16/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự 2005: sửa phần quan hệ tài sản của bản án sơ thẩm số 07/2013/HNGĐ-ST ngày 25/02/2013 của TAND huyện Th Th. Cụ thể:

- Chia cho bà Đỗ Thị S sử dụng 163,7m² tại thửa đất 234, tờ bản đồ số 07 tại thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

Phía đông (mặt đường 65) dài 5m

Phía tây giáp ao của UBND xã Th H dài 5m

Phía nam giáp hộ ông Nguyễn Đức Ng dài 32,5m

Phía bắc giáp phần đất còn lại chia cho ông V dài 33m

Trị giá 458.360.000đ

- Chia cho ông Nguyễn Quang V được sử dụng 205,5m² đất còn lại tại thửa đất 234, tờ bản đồ số 07 tại thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

Phía đông (mặt đường 65) dài 6,17m

Phía tây giáp ao của UBND xã Th H dài 6,17m

Phía nam giáp phần đất chia cho bà S dài 33,0m

Phía bắc giáp hộ ông Giang Văn T dài 33,63m và sở hữu một ngôi nhà hai tầng cùng công trình phụ làm trên đất được chia.

Chia cho ông V được sử dụng 97m² đất tại thửa đất 355, tờ bản đồ số 02 tại thôn Tr, xã Th H1, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã được UBND huyện Th Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 337998 ngày 29/7/2009

Tổng giá trị là 776.117.493 đồng

Giao cho ông V có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th số tiền 90.392.000đ (Gốc 75.000.000đ + lãi tính đến ngày 16/8/2013)

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông V, bà S có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với phần tài sản chung của bản án phúc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 27/2017/HNGĐ-GĐT ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy bản án phúc thẩm số 14/2013/HNGĐ-PT ngày 16/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý lại vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị S trình bày: bà xác định thửa đất số 234, tờ bản đồ số 07 tại thôn V H T, xã Th H là tài sản chung của vợ chồng, không phải đất nhà nước cấp riêng cho ông V. Hiện nay bà phải đi thuê nhà để ở nên đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật đất và nhà ở tại thôn V H T, xã Th H theo biên bản định giá ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Th Th và đề nghị Tòa án chia đôi, bà và ông V mỗi người được sử dụng 1/2 .

Bị đơn ông Nguyễn Quang V trình bày: ông đề nghị Tòa án áp dụng Nghị quyết 02/2004/HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao để xác định thửa đất tại thôn V H T, xã Th H là tài sản riêng của ông, vì thửa đất này được cấp riêng cho ông là đối tượng thương binh. Đối với 97m² đất tại thôn Tr, xã Th H1, huyện Th Th sau khi có bản án phúc thẩm lần 1 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình ông và ông Đào Sinh Nh đã thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đó để trừ nợ nhưng chưa làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với tài sản và công trình trên thửa đất ông vẫn giữ nguyên, không xây thêm, chỉ sửa một số phần: năm 2016 trát lại vữa, ốp lát gạch hoa vân toàn bộ tường tầng 1, tổng chi phí khoảng 70.000.000đ; cuối năm 2017 làm mới 02 cửa thông phòng và 01 bộ cửa sổ tầng 2 bằng nhôm kính, vôi ve toàn bộ tầng 1, tầng 2, sơn trần, tổng chi phí khoảng 20.000.000đ.

Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th trình bày: Khoản vay của gia đình ông Nguyễn Quang V còn dư nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th theo chương trình vay vốn học sinh, sinh viên, tổng số tiền vay 75.000.000đ cho ba con là sinh viên đang theo học tại các trường Cao đẳng và đại học. Tổng số tiền phải trả đến ngày 10/7/2019 là 82.174.031đ, trong đó tiền gốc là 48.755.000đ, tiền lãi phát sinh đến ngày 10/7/2019 là 33.419.031đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với phần tài sản chung và nợ chung, không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện VKS đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh

Thái Bình về phần tài sản chung để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ông Nguyễn Quang V xuất trình một sổ điều trị tâm thần ngoại trú bệnh động kinh. Qua xác minh được Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình cung cấp: bệnh động kinh không phải là bệnh tâm thần, nhưng có thể lên cơn bất cứ lúc nào và trong cơn bệnh nhân mất ý thức hoàn toàn; để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V, Tòa án đã đưa hai con của ông V vào tham gia tố tụng để phòng trường hợp tại phiên tòa ông V bị lên cơn động kinh. Đồng thời theo yêu cầu của ông V, Tòa án đã yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý cử người trợ giúp pháp lý cho ông V nhưng sau đó ông V có đơn từ chối người trợ giúp pháp lý, do đó tại phiên tòa không có sự tham gia của trợ giúp viên pháp lý. Chị Nguyễn Thị H là con của ông V, bà S đã được Tòa án triệu tập nhưng không có mặt.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nh đã được triệu tập họp lần 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các đương sự thấy:

[2.1] Xét kháng cáo về xác định tài sản chung của các đương sự thấy: Ông V, bà S đều thừa nhận diện tích 366,9m² thuộc thửa đất 234, tờ bản đồ 07 tại thôn V H T, xã Th H, huyện Th Th được Nhà nước cấp cho ông V là đối tượng chính sách (thương binh) và giao đất vào tháng 10/1984, đất cấp không thu tiền sử dụng đất. Ông V, bà S kết hôn ngày 20/7/1984, đây là thời kỳ thực hiện Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về chính sách quản lý đất đai của Nhà nước trước khi có Luật đất đai 1987 và theo quy định tại điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 “Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”, luật không quy định có tài sản riêng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ.

Đối với diện tích 97m² đất ở tại thửa 355, tờ bản đồ 02, thôn Trung, xã Th H đã được UBND huyện Th Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH227998 ngày 29/7/2009 mang tên vợ chồng ông V bà S nên HĐXX sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.2] Xét kháng cáo về việc chia tài sản chung của các đương sự thấy:

Khi ly hôn, việc chia tài sản sẽ căn cứ vào sự đóng góp về công sức của mỗi bên và căn cứ vào tình hình tài sản và tình trạng cụ thể của gia đình. Ông V, bà S đều xác định 366,9m² đất tại thôn V H T, xã Th H được Nhà nước cấp cho đối tượng chính sách là ông V, không thu tiền cấp đất, ông có việc làm và thu nhập ổn định, có nhiều đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển toàn bộ khối tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông V phần tài sản có giá trị lớn hơn phần chia cho bà S là phù hợp.

Xét thực tế, 366,9m² đất tại thửa 234, tờ bản đồ 07 là đất Nhà nước giao cho ông V theo diện chính sách đãi ngộ thương binh nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu giao thửa đất này cho bà S thì sẽ khó khăn trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, ngôi nhà được xây dựng từ năm 1984 nếu chia đất bằng hiện vật như yêu cầu của bà S thì sẽ phải cắt bỏ để giao đất như vậy sẽ ảnh hưởng đến kết cấu và giá trị sử dụng của ngôi nhà. Do đó, án sơ thẩm giao toàn bộ diện tích thửa đất này và tài sản trên đất cho ông V sở hữu, sử dụng là phù hợp.

Do hiện nay, ông V đang quản lý sử dụng nhà và đất tại thửa 234, tờ bản đồ số 07 còn bà S đang thuê nhà ở, ông bà có 02 thửa đất độc lập nên cần xem xét để chia cho mỗi bên sử dụng một thửa nhằm đảm bảo quyền lợi cũng như sự ổn định cuộc sống cho các đương sự. Do vậy việc bản án sơ thẩm giao cho bà S sử dụng 97m² đất ở tại thửa 355, tờ bản đồ 02 tại thôn Tr, xã Th H1, huyện Th Th là phù hợp và yêu cầu ông V phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho bà S để đảm bảo quyền lợi cho bà S.

[2.3] Xét kháng cáo của ông V về số tiền vợ chồng ông vay Ngân hàng chính sách huyện Th Th: 90.329.000đ (gốc 75.000.000đ + lãi tính đến ngày 16/8/2013) ông V đề nghị bà S có trách nhiệm trả nợ 50% thì thấy: đây là số nợ ông V, bà S thống nhất vay để lo cho con ăn học. Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th yêu cầu ông V phải có trách nhiệm đại diện cho gia đình ông V thanh toán các khoản nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã trích một phần giá trị tài sản chung vợ chồng giao cho ông V thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th là đúng, nghĩa vụ này đã được cân đối khi chia tài sản. Tính đến ngày 10/7/2019 số tiền còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th là 82.174.031đ, trong đó tiền gốc là 48.755.000đ, tiền lãi phát sinh đến ngày 10/7/2019 là 33.419.031đ.

[2.4] Đối với kháng cáo của ông V về số tiền ông vay chị Nh 20.000.000đ và 07 chỉ vàng cho các con ăn học, ông cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng, bà S phải có trách nhiệm trả nợ 50% thì thấy: Khi ông V vay số tiền và vàng của chị Nh, ông không bàn bạc với bà S nên bà S không biết về khoản nợ này, bà S không thừa nhận. Lời khai của chị Nh cũng thể hiện việc ông V vay tiền, vàng của chị không liên quan đến bà S, chị Nh đề nghị tách khoản nợ này để chị

Nh và ông V tự giải quyết với nhau.

[2.5] Xét kháng cáo của bà S về số tiền nhà nước đãi ngộ cho con thương binh học tập từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2012 là 68.916.000đ thì thấy: đây là số tiền Nhà nước ưu đãi cho con thương binh được quy định tại Thông tư liên tịch số 16/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT- BTC ngày 20/11/2006, ông V là người đứng ra nhận thay các con, ông V không phải là người thụ hưởng. Các con của ông V cũng thừa nhận đã nhận khoản tiền 97.200.000đ từ ông V. Do đó kháng cáo của bà S cho rằng khoản tiền này là tài sản chung của vợ chồng đề nghị dùng số tiền này để trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Th Th là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Ngoài ra trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm lần 1, ngày 17/5/2013 bà S có đơn đề nghị xác minh 05 sổ tiết kiệm mang tên ông V, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh tại các Ngân hàng thể hiện ông V có mở tài khoản tiền gửi tại hai ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng TMCP ngoại thương chi nhánh Thái Bình nhưng đã rút hết, căn cứ vào các tài liệu do ông V xuất trình thể hiện toàn bộ các khoản tiền ông V, bà S đã thanh toán với nhau khi bà S làm đơn xin ly hôn ông V, không phải bà S bây giờ mới biết. Khi giải quyết ở cấp sơ thẩm bà S cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, tiền tiết kiệm của vợ chồng (gồm cả tiền mặt, vàng, tiền gửi ngân hàng) đã được chi tiêu hết nên yêu cầu của bà S cho rằng số tiền này ông V đang quản lý và yêu cầu chia là không có cơ sở chấp nhận.

[2.7] Xét thấy, bản án phúc thẩm số 14/2013/HNGĐ-PT ngày 16/8/2013 đã giao quyền sử dụng 97m² đất tại thửa đất 355, tờ bản đồ 02 tại thôn Tr, xã Th H1 cho ông V. Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực, ngày 14/01/2014 ông V đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Đào Sinh Nh, sinh năm 1951; địa chỉ: Số nhà 26, tổ 18, phường B X, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình. Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Nh và tại phiên tòa ông Nh trình bày đã nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông V với giá 140.000.000đ, ông Nh đã thanh toán cho ông 130.000.000đ, còn nợ lại 10.000.000đ, tuy nhiên giữa ông Nh và ông V chỉ viết giấy chuyển nhượng chứ chưa làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại giai đoạn phúc thẩm này, ông Nh có nguyện vọng hủy bỏ việc chuyển nhượng đất giữa ông V và ông Nh, ông Nh trả lại đất cho ông V, ông V trả lại tiền cho ông Nh, tuy nhiên ông Nh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết luôn trong vụ án ly hôn này để đảm bảo quyền lợi cho ông. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần đưa ông Đào Sinh Nh vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho ông Nh và để giải quyết dứt điểm vụ án. Đây là tình tiết mới phát sinh, Tòa án cấp phúc thẩm không thể đưa thêm người tham gia tố tụng vào vụ án, vì vậy cần hủy phần chia tài sản chung của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Th Th để đưa thêm người tham gia tố tụng và giải quyết yêu cầu của họ.

[3] Về án phí: Ông V và bà S không phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm của bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Quang V đã được thi hành theo Quyết định thi hành án số 202/QĐ-THA ngày 24/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy phần chia tài sản chung của bản án dân sự sơ thẩm số 07/2013/HNGĐ - ST ngày 25/02/2013 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Quang V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm của bà Đỗ Thị S và ông Nguyễn Quang V đã được thi hành theo Quyết định thi hành án số 202/QĐ-THA ngày 24/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Thi hành án huyện Th Th, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Th H, h. Th Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hải Yến